

Bản án số: 43/2021/DS-PT

Ngày: 06/4/2021

Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Sanh Hiền

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Đình K, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Đình K: Ông Châu Văn V, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ địa bàn Miền Nam 1 - Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, phường P, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Lê Mỹ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: đường P, khu phố 1, phường P, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố B, phường P, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Mỹ H.*

(Ông V, bà H có mặt; ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 11/7/2019, ông Nguyễn Trường G, bà Lê Mỹ H ký hợp đồng tín dụng từng lần số 012219/HĐTD-NH/CNKG với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất cho vay: 14,19%/năm. Số tiền đã giải ngân: 19.860.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 12/7/2019.

Ngày 14/8/2019, ông Nguyễn Trường G, bà Lê Mỹ H ký hợp đồng cho vay từng lần số: REF1922400051/HĐTD/KG1-NTG với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất; Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/8/2020; Lãi suất cho vay: 14,19%/năm. Số tiền đã giải ngân: 5.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 14/8/2019.

Ngân hàng mở thẻ Visa cho ông G, bà H, kèm hợp đồng tín dụng số 012219/HĐTD-NH/CNKG ngày 11/7/2019 hạn mức 100.000.000 đồng. Theo thông báo cấp tín dụng số 09/TB/2019/SBKG ngày 09/7/2019.

Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là Quyền sử dụng đất diện tích 9.548,2m² thửa đất: 90; tờ bản đồ: 14, tọa lạc tại: khu phố B, phường P, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03587 do UBND thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/7/2015.

Trong quá trình vay ông G, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông G, bà H trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Hiện nay ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/12/2020 ông G, bà H nợ tiền là 28.696.429.799 đồng, trong đó vốn gốc là 24.945.109.111 đồng, lãi trong hạn là 1.527.340.792 đồng, lãi chậm trả là 87.580.054 đồng, lãi quá hạn là 2.136.399.842 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu ông G, bà H phải thanh toán hết nợ cho Ngân hàng và yêu cầu ông G, bà H phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 11/12/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

* *Bị đơn bà Lê Mỹ H trình bày:* Bà thống nhất vợ chồng bà là Nguyễn Trường G, Lê Mỹ H có ký kết hợp đồng số 012219/HĐTD-NH/CNKG ngày 11/7/2019 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền

mua đất; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất cho vay: 14,19%/năm. Số tiền đã giải ngân: 19.860.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 12/7/2019. Vợ chồng bà có mở thẻ Visa kèm hợp đồng tín dụng số 012219/HĐTD-NH/CNKG ngày 11/7/2019 hạn mức 100.000.000 đồng. Theo thông báo cấp tín dụng số 09/TB/2019/SBKG ngày 09/7/2019. Ngày 14/8/2019 vợ chồng bà tiếp tục ký hợp đồng vay số: REF1922400051/HĐTD/KG1-NTG với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vay số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất; Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/8/2020; Lãi suất cho vay: 14,19%/năm. Số tiền đã giải ngân: 5.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 14/8/2019.

Bà thống nhất hiện nay vợ chồng bà còn nợ ngân hàng số tiền là 28.696.429.799 đồng, trong đó vốn gốc là 24.945.109.111 đồng, lãi trong hạn là 1.527.340.792 đồng, lãi chậm trả là 87.580.054 đồng, lãi quá hạn là 2.136.399.842 đồng. Do tình hình dịch bệnh không buôn bán kinh doanh được nên không có tiền thanh toán cho ngân hàng khi hợp đồng đến hạn, vợ chồng bà cũng có thiện chí thanh toán cho ngân hàng, dù buôn bán không được nhưng tháng 6 và tháng 7/2020 bà vẫn nộp trả cho ngân hàng mỗi tháng 20.000.000 đồng. Nay bà xin ngân hàng cho bà thời gian đến hết năm 2020 bà sẽ chuyển nhượng đất để thanh toán nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trường G không có mặt và không có ý kiến trình bày về nội dung vụ việc để yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1/ Buộc bà Lê Mỹ H và ông Nguyễn Trường G phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, số tiền nợ tính đến ngày 10/12/2020 tổng cộng là 28.696.429.799 đồng (Hai mươi tám tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi chín đồng), trong đó vốn gốc là 24.945.109.111 đồng, lãi trong hạn là 1.527.340.792 đồng, lãi chậm trả là 87.580.054 đồng, lãi quá hạn là 2.136.399.842 đồng. Bà H, ông G còn phải chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 11/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Lê Mỹ H và ông Nguyễn Trường G không thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tiến hành xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 9.548,2m² thửa đất: 90; tờ bản đồ: 14, tọa lạc tại: khu phố B, phường P, thành phố A, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03587 do UBND thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/7/2015, để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và báo quyền kháng cáo.

*** Ngày 23/12/2020 bị đơn bà Lê Mỹ H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung như sau:** Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà xin được trả dần số tiền lãi vào hàng tháng đến khi thanh lý được tài sản quyền sử dụng đất sẽ tất toán toàn bộ số tiền đã vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ là ông Châu Văn V trình bày ý kiến: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định tại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

Bị đơn bà Lê Mỹ H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bị đơn bà Lê Mỹ H, giữ nguyên bản án sơ số 39/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông Nguyễn Trường G.

[2] Về nội dung: Giữa Ngân hàng TMCP Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng Đ) và bị đơn bà H đều thống nhất nội dung:

Ngày 11/7/2019, ông G, bà H ký hợp đồng tín dụng từng lần số 012219/HĐTD-NH/CNKG với Ngân hàng Đ, Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất cho vay: 14,19%/năm. Số tiền đã giải ngân: 19.860.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 12/7/2019.

Ngày 14/8/2019, ông G, bà H tiếp tục ký hợp đồng cho vay từng lần số: REF1922400051/HĐTD/KG1-NTG với Ngân hàng Đ, Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất; Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/8/2020; Lãi suất cho vay: 14,19%/năm. Số tiền đã giải ngân: 5.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 14/8/2019.

Ngân hàng mở thẻ Visa cho ông G, bà H, kèm hợp đồng tín dụng số 012219/HĐTD-NH/CNKG ngày 11/7/2019 hạn mức 100.000.000 đồng. Theo thông báo cấp tín dụng số 09/TB/2019/SBKG ngày 09/7/2019.

Tài sản bảo đảm khoản nợ vay là Quyền sử dụng đất diện tích 9.548,2m² thửa đất: 90; tờ bản đồ: 14, tọa lạc tại: khu phố B, phường P, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang, theo giấy QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03587 do UBND thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/7/2015.

Do ông G, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/12/2020 ông G, bà H còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 28.696.429.799 đồng, trong đó vốn gốc là 24.945.109.111 đồng, lãi trong hạn là 1.527.340.792 đồng, lãi chậm trả là 87.580.054 đồng, lãi quá hạn là 2.136.399.842 đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông G, bà H phải thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng và yêu cầu ông G, bà H phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 11/12/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông G không có ý kiến nhưng bị đơn bà H thống nhất về quá trình ký kết hợp đồng, tổng số tiền còn nợ như trình bày của đại diện Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông G bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 28.696.429.799 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Mỹ H yêu cầu được trả dần số tiền lãi vào hàng tháng đến khi thanh lý được tài sản quyền sử dụng đất sẽ tất toán toàn bộ số tiền đã vay, thấy rằng: Việc bà H muốn thỏa thuận về phương thức thanh toán phải có sự đồng ý của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng là ông Châu Văn V có ý kiến không đồng ý với yêu cầu trả dần của bà H, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Mỹ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

[4] *Về án phí:*

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H, ông G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được tính như sau: Số tiền phải thi hành án trên 04 tỷ thì án phí bà H, ông G phải chịu là 112.000.000 đồng, số tiền vượt 04 tỷ là 24.696.429.799 đồng x 0.1%, vậy số tiền án phí bà H, ông G phải chịu cụ thể là: $[112.000.000 \text{ đồng} + (24.696.429.799 \text{ đồng} \times 0.1\%)] = 136.696.429 \text{ đồng}$.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 67.197.295 đồng theo biên lai thu số 0003790 ngày 20/8/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 292, 298, 299, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Mỹ H.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Lê Mỹ H và ông Nguyễn Trường G phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, số tiền nợ tính đến ngày 10/12/2020 tổng cộng là 28.696.429.799 đồng (Hai mươi tám tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm chín mươi chín đồng), trong đó vốn gốc là 24.945.109.111đ (Hai mươi bốn tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm lẻ chín nghìn một trăm mười một đồng), lãi trong hạn là 1.527.340.792đ (Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng), lãi chậm trả là 87.580.054đ (Tám mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi nghìn không trăm năm mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 2.136.399.842đ (Hai tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng). Bà H, ông G còn phải chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 11/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Lê Mỹ H và ông Nguyễn Trường G không thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 9.548,2m², thửa đất: 90; tờ bản đồ: 14, tọa lạc tại: khu phố B, phường P, thành phố A, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03587 do UBND thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/7/2015, để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Mỹ H và ông Nguyễn Trường G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 136.696.429đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 67.197.295đ (Sáu mươi bảy triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0003790 ngày 20/8/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Mỹ H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009244 ngày 28/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố A;
- THA dân sự thành phố A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên